

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN CHÍ HIẾU

**VẤN ĐỀ BẢN THỂ LUẬN
TRONG TRIẾT HỌC DUY TÂM CỔ ĐIỂN ĐỨC
CUỐI THẾ KỶ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX**

Chuyên ngành: Chủ nghĩa duy vật biện chứng
và chủ nghĩa duy vật lịch sử
Mã số: 62 22 80 05

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

Hà Nội - 2010

LUẬN ÁN ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS ĐỖ MINH HỢP

Viện Triết học, Viện KHXH Việt Nam

2. PGS.TS NGUYỄN ANH TUẤN

Khoa Triết học, Trường ĐHKHXH & NV

Phản biện 1: GS. TS. NGUYỄN VĂN HUYÊN

Phản biện 2: PGS. TS. NGUYỄN ĐÌNH TƯỜNG

Phản biện 3: PGS. TS. NGUYỄN QUANG HÙNG

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà
nước họp tại Hà Nội Vào hồi: giờ , ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia.
- Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Chí Hiếu (2005), "Triết học Cantơ dưới nhãn quan của G.W.F.Hêghen", *Triết học*, (4), tr.55 - 60.
2. Nguyễn Chí Hiếu (2005), "Biện chứng của mối quan hệ giữa chủ nô và nô lệ trong tác phẩm *Hiện tượng học tinh thần* của G.W.F.Hêghen", *Khoa học Xã hội*, (4), tr.31 - 36.
3. Nguyễn Chí Hiếu (2006), "Hệ vấn đề bản thể luận phương Tây — một cái nhìn khái quát", *Khoa học Xã hội*, (11), tr.14 - 20.
4. Nguyễn Chí Hiếu (2006), "Về khái niệm "Tinh thần tuyệt đối" trong triết học Hêghen", *Triết học*, (12), tr.47 - 53.
5. Nguyễn Chí Hiếu (2007), "Bản thể luận và cách tiếp cận bản thể luận trong triết học phương Tây", *Triết học*, (6), tr.33 - 39.
6. Nguyễn Chí Hiếu (2007), "Nhận định của Haidơgơ về chủ nghĩa duy tâm Đức từ việc xem xét các khuynh hướng phát triển của triết học phương Tây", trong *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế: Những vấn đề triết học phương Tây thế kỷ XX*, Nxb. ĐHQG, Hà Nội, tr.104 - 120.
7. Nguyễn Chí Hiếu (2008), "Bản thể luận trong triết học Cantơ", *Khoa học Xã hội*, (4), tr.14 - 20.
8. Nguyễn Chí Hiếu (2008), "Tư tưởng về "nhà nước mạnh" của Hegel và thực tế hiện thực hoá nó ở Đức", *Phát triển nhân lực*, (4), tr.66 - 70.
9. Nguyễn Chí Hiếu - Đỗ Minh Hợp - Phạm Quỳnh Trang (2008), *Hiện tượng học Husserl*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Nguyễn Chí Hiếu (2009), "Bản thể luận mácxít qua kiến giải của Georg Lukács", *Phát triển nhân lực*, (4), tr.15 - 18.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Triết học là kết tinh tinh thần của thời đại lịch sử, mà trước hết là kết quả sự phản tư về lý luận của các vĩ nhân, các triết gia đối với thời đại của họ. Vì lẽ đó, các triết gia không mọc lên như nấm từ trái đất, họ là sản phẩm của thời đại mình, của dân tộc mình, mà dòng sữa tinh tế nhất, quý giá nhất và vô hình được tập trung lại trong những tư tưởng triết học (C.Mác). Mỗi một thời đại lịch sử đều sản sinh ra một số vĩ nhân. Họ là những vĩ nhân vì họ vượt lên trên cuộc sống của con người phàm tục và dành toàn bộ nỗ lực thể chất cũng như tinh thần cho công việc tìm kiếm những căn nguyên của nhân tính và rốt cuộc, mỗi vĩ nhân đều khám phá ra một hay một số căn nguyên, giá trị nền tảng của tồn tại người, khám phá ra những cái mà thiếu chúng thì nhân tính không thể tồn tại, con người không thể làm Người.

Nghiên cứu các thời đại lịch sử bản thể luận không những đem lại cho chúng ta bức tranh cô đọng, súc tích, chuẩn xác về tiến trình phát triển của bản thân triết học, mà còn cho phép chúng ta nhận thấy các thang bậc kế tiếp nhau trong công cuộc khám phá và hiện thực hoá bản chất loài của loài người thông qua những giá trị tinh thần căn bản nhất. Đồng thời, việc nghiên cứu lịch sử triết học nói chung, lịch sử bản thể luận nói riêng chính là con đường hữu hiệu nhất giúp chúng ta nâng cao được năng lực tư duy lý luận. Năng lực ấy có vai trò cực kỳ quan trọng, vì một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có nó (Ph.Ăngghen).

Lịch sử loài người là một tiến trình thống nhất, vì đây là lịch sử của một loài sinh vật đặc biệt. Cho dù mỗi dân tộc đều có văn hoá độc đáo của mình như hình thức biểu thị "cái Ngã" riêng của mình, song mỗi dân tộc đều là một thành viên của loài người, do vậy đều tồn tại và phát triển dựa trên những giá trị chung. Những giá trị như vậy được

kết tinh lại trong lịch sử triết học nói chung và đặc biệt là trong lịch sử bản thể luận nói riêng. Các quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi mỗi dân tộc phải chủ động hội nhập, tiếp thu có sàng lọc những giá trị văn hoá quý báu của các dân tộc khác. Tư tưởng tích hợp văn hoá phải trở thành tư tưởng chủ đạo, tiền đề để mỗi dân tộc có thể sánh vai cùng toàn bộ loài người bước vào tương lai. Chính tư tưởng sâu sắc này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra như cách tiếp cận duy nhất thích hợp trong việc tiếp thu thành tựu tư tưởng triết học thế giới khi Người nhận xét về Khổng Tử, Giêsu, Mác và Tôn Dật Tiên.

Có thể khẳng định rằng, vấn đề bản thể luận có một vai trò hết sức to lớn đối với hệ thống tri thức triết học: nó quyết định lập trường triết học, tính đặc thù của mỗi trường phái và quan trọng hơn, đến tính đặc thù của tri thức triết học so với các lĩnh vực tri thức khác. Mặc dù có vai trò quan trọng như vậy, nhưng đáng tiếc là cho đến nay, vấn đề này vẫn chưa được nghiên cứu nhiều ở nước ta.

Như chúng ta đã biết, triết học duy tâm cổ điển Đức cuối thế kỷ XVIII — nửa đầu thế kỷ XIX không chỉ là nguồn gốc lý luận trực tiếp cho sự ra đời của triết học Mác, mà còn có ảnh hưởng mạnh mẽ và dài lâu tới nền triết học phương Tây hiện đại, trong đó vấn đề bản thể luận đóng vai trò nền tảng cho việc xây dựng hệ thống triết học. Hơn nữa, bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức biểu thị những tiền đề tư tưởng, những giá trị văn hoá nhân văn cần thiết cho xã hội hiện đại được hiểu theo đúng nghĩa của từ này, vì các triết gia cổ điển Đức có sứ mệnh trang bị tư tưởng cho công cuộc hiện đại hoá nước Đức, đưa nước Đức thoát ra khỏi xã hội phong kiến trì trệ và lạc hậu, bị giam cầm trong những xiềng xích tư tưởng giáo điều và cổ hủ. Do vậy, để tiếp thu có sàng lọc những thành tựu của xã hội phương Tây hiện đại, việc nghiên cứu bản thể luận của nó nói chung và bản thể luận duy tâm cổ điển Đức nói riêng có một ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng. Với

những lý do đó, chúng tôi chọn "Vấn đề bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX" làm đề tài nghiên cứu trong luận án Tiến sĩ triết học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở Việt Nam đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về triết học cổ điển Đức được công bố. Tuy nhiên, có thể khái quát những thành quả nghiên cứu đó ở ba loại hình chủ yếu sau:

Loại hình thứ nhất là những cuốn sách, Kỷ yếu Hội thảo và các bài báo được đăng tải trên các tạp chí (chủ yếu là trên tạp chí *Triết học*). Đó là các công trình: *Triết học Immanuel Kant* của Nguyễn Văn Huyền (1996); *I.Kant - người sáng lập nên triết học cổ điển Đức*, Viện Triết học (1997), *Triết học Kant* của Trần Thái Đĩnh (tái bản năm 2005); hay các công trình của hai tác giả Nguyễn Trọng Chuẩn và Đỗ Minh Hợp về triết học Hêghen như: *Quan niệm của Hêghen về bản chất của triết học* (1998), *Vấn đề tư duy trong triết học Hêghen* (1999), *Quan điểm lịch sử triết học của Hêghen* (2001), *Triết học pháp quyền Hêghen* (2002); gần đây nhất có cuốn *Triết học cổ điển Đức* (2006) và *Học thuyết phạm trù trong triết học I.Kant* (2007) của tác giả Lê Công Sự và công trình *Đâu là căn nguyên tư tưởng? hay con đường triết lý từ Kant đến Heidegger* của Lê Tôn Nghiêm (1970), mới được tái bản năm 2007.

Loại hình thứ hai là công trình của các tác giả nước ngoài đề cập một cách trực tiếp hay gián tiếp về triết học cổ điển Đức đã được dịch ra tiếng Việt. Chẳng hạn như các công trình nghiên cứu của Viện triết học, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô trước đây: *Triết học cổ điển Đức* (1962); *Lịch sử phép biện chứng*, tập 3 (1998) hay cuốn *Lôgic học biện chứng* (2003) của E.V.Ilenxốp. Các công trình này ít đề cập tới khía cạnh bản thể luận của triết học cổ điển Đức mà nghiêng nhiều về trình bày lý luận nhận thức, lôgic học và phép biện chứng hơn.

Loại hình thứ ba là một số lượng còn rất khiêm tốn các luận án Tiến sĩ và luận văn Thạc sĩ nghiên cứu các đề tài có liên quan đến triết học duy tâm cổ điển Đức nói chung. Đó là luận án Tiến sĩ của tác giả Lê Công Sự: *Học thuyết phạm trù trong triết học I.Kant* (2004). Sau đó, nghiên cứu sinh Ngô Thị Mỹ Dung đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ về đề tài: *Triết học đạo đức của Immanuel Kant và ảnh hưởng của nó đối với triết học Đức thế kỷ XIX* (2007) và trước đó, có 2 luận văn Thạc sĩ của các tác giả: Vũ Thị Thu Lan: *Mệnh lệnh tuyệt đối trong đạo đức học của Kant* (2004), Khuất Duy Dũng: *Chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm trong nhận thức luận của I.Kant* (2006).

Qua phân tổng quan trên, có thể thấy các công trình nghiên cứu đã nêu chủ yếu bàn về các vấn đề nhận thức, tư duy, phép biện chứng, lôgic học, đạo đức học, mỹ học, lịch sử triết học, v.v của triết học cổ điển Đức, còn vấn đề bản thể luận trong triết học duy tâm Đức hầu như không được bàn đến và nếu được đề cập thì cũng còn rất tản mạn, không có hệ thống.

Ở nước ngoài, có các công trình nghiên cứu chuyên sâu về bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức, như các cuốn sách của Máctin Haidơgơ, *Chủ nghĩa duy tâm Đức (Phíchơ, Sêlinh, Hêghen) và thực trạng vấn đề triết học hiện đại* (tái bản năm 1997); *Kant và vấn đề siêu hình học* (tái bản năm 1998); Gôtphorít Máctin, *Immanuel Kant: Bản thể luận và lý thuyết khoa học* (1969) v.v Các công trình trên có đóng góp rất lớn trong việc làm rõ bản thể luận trong triết học của từng đại biểu như Kant, Hêghen. Tuy nhiên, do các tác giả đi sâu vào bản thể luận của từng đại biểu một nên lại chưa có một cái nhìn tổng quan về cả giai đoạn.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận án

Mục đích của luận án là nghiên cứu chuyên sâu và trình bày một cách có hệ thống nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học duy

tâm cổ điển Đức, qua đó đưa ra những đánh giá về ý nghĩa, những đóng góp và hạn chế của nó đối với sự phát triển của triết học Đức hiện đại.

Để đạt được mục đích trên, luận án sẽ giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Trình bày khái quát sự hình thành và phát triển của tư tưởng bản thể luận triết học phương Tây để xác định nội hàm của khái niệm "bản thể luận". Làm sáng tỏ các tiền đề ra đời của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức.

- Tập trung phân tích và làm rõ nội dung bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức qua các đại biểu: Cantơ, Phíchơ, Sêlinh và Hêghen .

- Phân tích ảnh hưởng của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức tới một số trào lưu triết học Đức hiện đại, qua đó luận án khái quát các đặc điểm cơ bản của nó, đánh giá ý nghĩa và chỉ ra những đóng góp và hạn chế của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức.

- Phạm vi nghiên cứu là vấn đề bản thể luận được thể hiện qua những tác phẩm chính của Cantơ, Phíchơ, Sêlinh và Hêghen và, do khuôn khổ luận án, tác động của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức tới triết học Đức hiện đại sẽ chỉ được khảo cứu thông qua hai đại biểu của triết học hiện tượng học - hiện sinh Đức là Huxéc và Haidơơ, vì triết học của hai triết gia này cho thấy rõ nhất ảnh hưởng của bản thể luận duy tâm cổ điển Đức đến triết học Đức hiện đại.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt là quan điểm của triết học Mác - Lênin về mối quan hệ biện

chứng: tự nhiên - xã hội - con người, về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Đồng thời, luận án cũng kế thừa những thành quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án trong thời gian gần đây.

- Luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật, sử dụng chủ yếu các phương pháp kết hợp giữa phân tích và tổng hợp, lịch sử và lôgic, đối chiếu, so sánh, khái quát hoá, v.v...

6. Đóng góp mới của luận án

- Có thể nói, đây là luận án đầu tiên ở nước ta tập trung vào phân tích, luận giải nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức.

- Luận án không chỉ khảo cứu có hệ thống những nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức, mà còn chỉ ra những bước tiến, khái quát những đặc điểm của bản thể luận đó, phân tích tác động của nó đến một số trào lưu triết học Đức hiện đại; đồng thời làm rõ nội dung bản thể luận trong triết học Mác và từ đó, đánh giá những đóng góp và hạn chế của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần nghiên cứu chuyên sâu một trong các nội dung quan trọng nhất của triết học duy tâm cổ điển Đức là nội dung bản thể luận, qua đó chỉ ra đóng góp và hạn chế của nó.

Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu lịch sử triết học, giai đoạn triết học cổ điển Đức.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài Phần mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án gồm 3 chương, 9 tiết.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

BẢN THỂ LUẬN VÀ CÁC TIỀN ĐỀ RA ĐỜI CỦA BẢN THỂ LUẬN TRONG TRIẾT HỌC DUY TÂM CỔ ĐIỂN ĐỨC

1.1. Khái niệm "bản thể luận"

Thuật ngữ "bản thể luận" có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, là sự kết hợp giữa hai từ *on* (*όν*) — "cái thực tồn", "cái đang tồn tại" và *logos* (*λόγος*) — lời lẽ, khái niệm, học thuyết, có nghĩa là "học thuyết về *tồn tại* tự thân nó"; là một bộ phận của triết học nghiên cứu những nguyên tắc cơ bản của tồn tại. Bản thể luận đôi khi được đồng nhất với siêu hình học, nhưng thường được xem là bộ phận trung tâm của siêu hình học, tức là siêu hình học tồn tại. Thuật ngữ "bản thể luận" xuất hiện lần đầu tiên trong "Từ điển thuật ngữ triết học" của R.Cóclêniút (1613) và được kiện toàn trong hệ thống triết học của C.Vônphơ.

Như vậy, thuật ngữ "bản thể luận" chỉ xuất hiện vào thế kỷ XVII, nhưng tư tưởng bản thể luận đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử triết học, ngay từ thời cổ đại. Do vậy, *việc nghiên cứu lịch sử của bản thể luận, lịch sử của các quan niệm, của các học thuyết triết học về tồn tại, là con đường khả dĩ nhất để làm sáng tỏ nội dung của khái niệm này.*

Bản thể luận được tách biệt ra từ các học thuyết về tồn tại của giới tự nhiên như là học thuyết về bản thân tồn tại ngay trong triết học Hy Lạp sơ kỳ, mặc dù bản thân thuật ngữ "bản thể luận" khi đó chưa được sử dụng. Pác-mê-nít và các nhà triết học thuộc phái Elê tuyên bố chỉ có tư duy về tồn tại — sự thống nhất đồng loại, vĩnh cửu và bất biến — là tri thức chân thực. Họ nhấn mạnh tư duy về tồn tại không thể là tư duy sai lầm, rằng tư duy và tồn tại là đồng nhất. Xôcrát là người ý thức rõ nhất hạn chế của bản thể luận mang tính tự nhiên và, do vậy, là người đầu tiên nắm bắt được tính chất đặc thù của tri thức

triết học, qua đó ông đã xây dựng bản thể luận triết học theo đúng nghĩa của từ này. Các nhà tư tưởng trung cổ đều khéo léo làm cho bản thể luận cổ đại thích hợp với việc giải quyết những vấn đề thần học. Bản thể luận trong triết học cận đại phụ thuộc vào nhận thức luận và phương pháp luận. Nói cách khác, chúng có mối quan hệ khăng khít, hữu cơ với nhau, đan xen nhau và do vậy, sự tách bạch cũng chỉ mang tính chất tương đối. Theo chúng tôi, toàn bộ triết học giai đoạn này (kể cả triết học duy tâm cổ điển Đức, thí dụ như Cantơ luận chứng cho tính có thể của toán học, khoa học tự nhiên và đặc biệt là của đạo đức học) cũng tập trung vào giải quyết vấn đề luận chứng cho khoa học như giá trị tối cao trong các lĩnh vực hoạt động sống của con người (tư duy khoa học trong nhận thức, nguyên tắc pháp quyền trong sinh hoạt xã hội, v.v...) trên các phương diện bản thể luận, phương pháp luận. Sự luận chứng cho khoa học về mặt bản thể luận thể hiện rõ nhất ở triết học Đêcátơ. Bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức nối tiếp truyền thống này trong điều kiện đặc thù của nước Đức đang chuẩn bị tiến hành cuộc cách mạng tư sản, trong khi một số nước phương Tây khác đã bước vào xã hội tư sản.

Dựa vào lịch sử bản thể luận như đã trình bày trong luận án, chúng tôi quan niệm *bản thể luận là học thuyết về tồn tại, mà hạt nhân của nó là những nguyên lý, những nguyên tắc chung nhất của một dạng tồn tại đặc biệt - tồn tại người.*

1.2. Những điều kiện kinh tế - xã hội và chính trị cho sự hình thành bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức

Bản thể luận duy tâm cổ điển Đức chịu tác động của những điều kiện kinh tế - xã hội và chính trị đương thời. Đó trước hết là cuộc cách mạng công nghiệp Anh và cuộc cách mạng tư sản Pháp. Cách mạng công nghiệp biến nước Anh thành một nước lớn mạnh nhất, có ảnh hưởng lớn về kinh tế và chính trị đến các nước khác. Cách mạng tư

sản Pháp thủ tiêu chế độ phong kiến và mở rộng đường cho lực lượng sản xuất của xã hội phát triển. Đây là một sự kiện gây tiếng vang lớn, có ý nghĩa vạch thời đại, vì nó thủ tiêu quan hệ phong kiến, chế độ chính trị quân chủ. Những người Đức tiên tiến, đặc biệt là các nhà triết học duy tâm cổ điển Đức, đã rất phấn khởi chào đón sự kiện này. Khẩu hiệu "Tự do, bình đẳng, bác ái" được viết trên lá cờ của cách mạng tư sản Pháp đã có ảnh hưởng mạnh mẽ và là nguồn cảm hứng cho bản thể luận triết học của họ. Không phải ngẫu nhiên mà "tự do", "tinh thần phổ biến" được đề cao và trở thành một trong những đề tài chủ đạo của các nhà triết học thời kỳ này.

Trong khi Anh và Pháp tiến nhanh trên con đường tư bản chủ nghĩa thì nước Đức vẫn là một nước lạc hậu về kinh tế và chính trị. Hơn nữa, sự phân chia lãnh địa của hàng trăm cát cứ phong kiến và cùng với đó là sự phân chia về kinh tế và chính trị đã cản trở nước Đức phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa

Vì giai cấp tư sản Đức yếu kém, không đủ khả năng nắm chính quyền, nên các nhà lý luận của giai cấp này là những nhà triết học duy tâm, sáng lập ra các hệ thống triết học rất trừu tượng, tách khỏi đời sống thực tiễn. Bế tắc trước những vấn đề kinh tế - xã hội hiện thực, trước việc tự do bị bóp nghẹt bởi chính quyền quân chủ Phổ, các nhà triết học duy tâm Đức, bắt đầu từ Cantơ trở đi, đã xây dựng bản thể luận triết học trong tư duy, ý thức của chủ thể (con người), đặc biệt đề cao tính năng động và tính duy lý của chủ thể. Và cho dù còn có nhiều hạn chế do thời đại đương thời quy định, nhưng với tư duy biện chứng sâu sắc, các nhà duy tâm Đức khi đi sâu vào chủ thể (do Cantơ khởi xướng với "cuộc cách mạng Cópécnic"), vào văn hoá tinh thần đã có những đóng góp to lớn trong việc xây dựng bản thể luận hết sức độc đáo trong triết học và đã tạo nên một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử bản thể luận phương Tây.

1.3. Những tiền đề lý luận của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức

1.3.1. Chủ nghĩa duy lý Đêcátơ

Ra đời trong điều kiện văn hóa duy lý, triết học Đêcátơ phản ánh rõ những đặc điểm của văn hóa này: chủ nghĩa duy lý (đề cao lý tính, coi nó là giá trị tinh thần tối cao, niềm tin tuyệt đối vào khoa học), hệ chuẩn khách - chủ thể (giả định có thể tách chủ thể khỏi khách thể trong nhận thức), quan niệm về văn hóa như giới tự nhiên nhân tạo.

Được xây dựng dựa trên nguyên tắc *cogito* (Tôi tư duy), siêu hình học Đêcátơ trở thành bước ngoặt trong lịch sử triết học phương Tây cận đại, làm thay đổi cả nguyên tắc lẫn các nhiệm vụ của triết học: chủ thể nhận thức cùng với năng lực đảm bảo các cơ sở tuyệt đối hiển nhiên và đáng tin cậy của mọi tri thức được đặt lên hàng đầu trong tiến trình triết học, quy định sự định hướng của chủ thể vào nhận thức khoa học lý thuyết về thế giới. Từ "nền móng siêu hình học vững chắc" đó, Đêcátơ đã luận chứng cho tính thống nhất hữu cơ của mọi khoa học. Chúng ta thấy, bắt đầu từ ông và do ông khởi xướng, định hướng và mục đích tìm tòi triết học của toàn bộ triết học cận đại, trong đó và trên hết là của triết học duy tâm cổ điển Đức, đã được định trước. Đây là thời đại lịch sử đánh dấu sự ra đời, phát triển và khải hoàn của khoa học, do vậy chính khoa học, những giá trị do khoa học đem lại sẽ chi phối toàn bộ cuộc sống của con người và của xã hội phương Tây, mọi thứ đều được nhìn nhận và đánh giá theo thước đo của khoa học.

1.3.2. Đơn tử luận Lépniét

Đơn tử luận Lépniét là thử nghiệm khắc phục nhị nguyên luận Đêcátơ và chủ nghĩa thực thể thụ động của Xpinôđa nhằm phân tích sâu sắc biến đổi sống động của thế giới và nhấn mạnh vai trò của tư duy lý luận trong việc giải quyết mọi vấn đề. Đơn tử của ông là các

thực thể tinh thần (năng động) độc đáo, nhưng lại liên kết với nhau theo nguyên tắc "hài hòa tiền định". Tư tưởng bản thể luận triết học của Lépniút đóng một vai trò quan trọng và sẽ để lại dấu ấn đậm nét trong những tìm tòi bản thể luận của tất cả các đại diện triết học duy tâm Đức. Chúng tôi muốn nói tới phương diện chủ thể tính, tính tích cực của chủ thể - cá nhân được Lépniút biểu thị thông qua bản chất của đơn tử. Như đã rõ, nếu Đêcátơ chủ yếu quan tâm đến năng lực tư duy khoa học như năng lực phổ biến, vốn có ở mỗi thành viên của loài người, thì Lépniút lại đặt trọng tâm vào tính tích cực nội tại, tính tự ngã (tự do) của mỗi cá nhân như tiền đề tiên quyết để mỗi người tự khẳng định nhân cách của mình. Chính cách đặt vấn đề như vậy sẽ được các đại diện triết học duy tâm Đức áp dụng vào việc nghiên cứu tính tích cực nhận thức của chủ thể thông qua hệ thống khái niệm, phạm trù như kết quả nhận thức của loài người.

1.3.3. Bản thể luận Vônphơ

Ảnh hưởng của Vônphơ đến Cantơ là rất lớn vì Cantơ đã là "môn đệ" của triết học Vônphơ một thời gian dài trước khi "tỉnh khỏi cơn mê giáo điều"; do vậy, muốn hiểu được bản thể luận trong triết học Cantơ, chúng ta phải quay lại bản thể luận Vônphơ.

Vônphơ phân định rõ "lĩnh vực" của siêu hình học chuyên ngành với bản thể luận (siêu hình học đại cương); siêu hình học chuyên ngành bao gồm ba bộ phận cấu thành là: thần học tự nhiên, tâm lý học tự nhiên và vũ trụ học. Công lao chính của Vônphơ là tách bản thể luận ra khỏi thần học tự nhiên. Ngoài ra, bản thể luận có một vai trò đặc biệt vì nó được coi là "triết học thứ nhất" và là cơ sở của tất cả các môn khoa học cụ thể khác. Điều quan trọng hơn là bản thể luận triết học (siêu hình học phổ quát) sẽ đóng vai trò hạt nhân của hệ thống triết học, vì nó đề cập tới các nguyên tắc tối hậu của tồn tại nói chung và đặc biệt là của tồn tại người nói riêng (nhân tính). Tất cả

các bộ môn khác đều được triển khai nhờ xuất phát chính từ hạt nhân này. Toàn bộ hệ thống triết học trở thành một cái nhìn chung, thống nhất về chính thể người. Do vậy, có thể nói, Vônphơ chính là người đem lại điểm khởi đầu cho cách tiếp cận hệ thống của các nhà triết học duy tâm cổ điển Đức.

Chương 2

BẢN THỂ LUẬN TRONG TRIẾT HỌC DUY TÂM CỔ ĐIỂN ĐỨC - NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN

2.1. Triết học siêu nghiệm - nội dung bản thể luận Cantơ

Vốn là người sáng lập ra triết học cổ điển Đức, Cantơ đã có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực xây dựng bản thể luận triết học độc đáo. Tiếp nối truyền thống bản thể luận triết học duy lý cận đại, Cantơ cũng tiến hành luận chứng cho khoa học về mặt bản thể luận, song ông đi xa hơn luận điểm xuất phát "Tôi tư duy, vậy tôi tồn tại" của Đêcátơ. Nối tiếp các bậc tiền bối, ông coi siêu hình học là khoa học thứ nhất về thứ tự và ý nghĩa trong hệ thống tri thức của con người, là khoa học cần phải đem lại cơ sở tuyệt đối vững chắc cho mọi khoa học khác và cho toàn bộ hoạt động nói chung của con người.

Theo ông, Vônphơ đã bản thể hóa khái niệm về khả năng logic và đồng nhất khả năng ấy với vật nói chung, còn triết học Hium là chủ nghĩa tâm lý và chủ nghĩa hoài nghi. Cantơ đưa hệ vấn đề của siêu hình học và bản thể luận truyền thống vào thành phần của triết học siêu nghiệm.

Vì đặt ra cho mình mục đích luận chứng cho tri thức khoa học nhờ xuất phát từ tri thức siêu nghiệm, nên ông giả định nguồn gốc của nó chỉ có thể là hoạt động nhận thức của bản thân chủ thể. Do vậy, bản thể luận Cantơ nghiên cứu về những điều kiện khả thể của tri thức

như vậy. Cantor xuất phát từ tính tối hậu của chủ thể biết tư duy, tức con người là chủ thể duy nhất và chân chính của nhận thức.

Cách đặt vấn đề như vậy đã đưa Cantor đến với tư tưởng về siêu hình học siêu nghiệm với tư cách là bản thể luận nhận thức và bản thể luận đạo đức. Nhưng, khác với siêu hình học thực thể truyền thống, triết học siêu nghiệm là "phê phán lý tính" hay, nói chính xác hơn, là "nghiên cứu chủ thể" (siêu nghiệm). Và đóng góp quan trọng nhất của ông chính là ở trong việc triển khai bộ phận thứ hai này - như Cantor gọi - đó là siêu hình học đạo đức với tư cách là bản thể khác của tồn tại người. Có thể nói, đây chính là *phát hiện có tính chất đột phá* của Cantor: ngay ở cuối tác phẩm *Phê phán lý tính thuần túy*, ông đã vấp phải vấn đề là tồn tại người không chỉ được triển khai qua năng lực nhận thức lý luận, không quy về được khoa học tương ứng của nó là nhận thức luận. Nói cách khác, trong lĩnh vực lý tính lý thuyết, siêu hình học là không thể có như một khoa học, nhưng trong lĩnh vực thực tiễn (hoạt động) thì có thể, đó là siêu hình học đạo đức được Cantor phân tích trong *Phê phán lý tính thực tiễn*. Những suy ngẫm của Cantor về khái niệm "cá nhân" như chủ thể đạo đức tự trị và khác với vật, quyết định bước ngoặt "Côpécnic" trong quan niệm của ông về thực thể, cũng như về tư duy và nhận thức. Theo ông, đạo đức cho thấy rõ nhất giá trị tự thân của con người, phẩm giá tuyệt đối của nó như "chủ thể của mọi mục đích". Vì vậy, trong triết học siêu nghiệm, bất kỳ thực tại nào cũng được xem xét "trên phương diện chủ thể", trong mối liên hệ với mục đích tối hậu của tồn tại người, trong bối cảnh hoạt động của con người - đây chính là mục đích, nội dung của bản thể luận Cantor.

2.2. Văn hoá tinh thần - đối tượng phản tư của bản thể luận Phíchto và Sêlinh

Phíchto kế tục tư tưởng của Đêcácto và Cantor trong việc tìm kiếm nguyên lý xác thực trong triết học, coi ý thức con người, thế giới văn hoá tinh thần, chứ không phải các vật tự thân chúng, là lĩnh vực tìm tòi tiếp theo. Nhưng, Phíchto không chấp nhận nhị nguyên luận triết học và muốn có được lập trường nhất nguyên luận. Phíchto bác bỏ "vật tự thân" vì cho rằng, sự phân biệt của Cantor về "hiện tượng" và "vật tự thân" vẫn còn mang tính "nhị nguyên", cho thấy sự phụ thuộc của chủ thể vào khách thể. Một cách triệt để hơn, Phíchto quy tất cả vào chủ thể và hoạt động của chủ thể trong quá trình phát triển biện chứng. Xét về phương diện lý luận, điều này có nghĩa là triết học phải tách biệt nhất quán và tử mĩ cái không phải Tôi ra từ cái Tôi.

Theo Phíchto, triết học là khoa học luận hay là khoa học về khoa học. Từ đó, khởi điểm của triết học không phải là một nguyên tắc lý luận, mà là một hành động thực tế, vì tôi phải xây dựng cái Tôi với tư cách nguyên tắc tuyệt đối cho mọi cái sẽ được rút ra từ nó. Trên con đường đi tìm bản thể người thống nhất, Phíchto đã nhận thấy thế giới văn hoá (cái không phải Tôi) là tiền đề để hình thành cái Tôi. Đây là một bước tiến quan trọng của bản thể luận Phíchto.

Vốn là học trò và môn đệ Phíchto, Sêlinh đã hoàn thành hai nhiệm vụ thống nhất là đào sâu luận chứng cho nguyên tắc cái Tôi - khởi điểm của triết học Phíchto và áp dụng nguyên tắc đó vào học thuyết về tự nhiên - lĩnh vực mà Phíchto hoàn toàn không nghiên cứu. Trung tâm của toàn bộ sự cải biến đó là phải thay đổi quan niệm về "khách thể", tức là về tự nhiên. Sêlinh chăm chú theo dõi những chuyển biến mạnh mẽ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và dựa vào khoa học tự nhiên để luận chứng cho bước chuyển từ tự nhiên sang tinh thần, xác định xu hướng dẫn tới sự *tinh thần hoá* ngày một tăng của tự nhiên.

Theo Sêlinh, khởi phát từ triết học tự nhiên, tiếp tục được phát triển trong triết học siêu nghiệm, sự đồng nhất của cái khách quan và cái chủ quan được thể hiện tối đa trong hoạt động thẩm mỹ, trong nghệ thuật. *Tương ứng thì không phải nhận thức khoa học, không phải lý trí và lý tính, mà trực giác thẩm mỹ đã được Sêlinh đặt lên hàng đầu trong triết học.* Theo ông, vấn đề cơ bản là tổng hợp triết học lý luận và triết học thực tiễn, thống nhất những tư tưởng khác nhau cho rằng, quan niệm phù hợp với đối tượng và đối tượng phù hợp với quan niệm. Để giải quyết vấn đề này, cần phải giả định ngay từ đầu sự hài hoà tiền định giữa thế giới hiện thực và thế giới lý tưởng trong "cái Tuyệt đối". Đây là nội dung cơ bản của bản thể luận Sêlinh.

2.3. Logic của nhận thức khoa học về "tồn tại" - định hướng cơ bản của bản thể luận Hêghen

Cả Phíchơ, Sêlinh lẫn Hêghen đều đi con đường chung là: xây dựng học thuyết về cá nhân tuyệt đối, trong đó có thể vượt bỏ được sự đối lập giữa ý thức và cái vô thức, giữa cái chung trừu tượng và cái riêng cụ thể. Với Hêghen, triết học là tinh hoa tinh thần của thời đại, là thời đại thể hiện dưới hình thức tư tưởng. Vì vậy ông xây dựng *Hiện tượng học tinh thần* nhằm trình bày quá trình vận động biện chứng của ý thức qua các thang bậc phát triển khác nhau, hướng tới cái Tuyệt đối.

Tiếp nối các bậc tiền bối, Hêghen đề nghị phải lãnh hội và diễn đạt chân lý không chỉ như là bản thể mà còn như là chủ thể. Luận điểm này của Hêghen là luận điểm then chốt của toàn bộ triết học và bản thể luận Hêghen. Nói tóm lại, ở Xpinôda, cái Tuyệt đối là bản thể, còn ở Phíchơ, cái Tuyệt đối là chủ thể (cái Tôi). Không đồng ý với cả hai quan niệm đó, Hêghen suy tưởng về cái Tuyệt đối không chỉ như là bản thể, mà còn như là chủ thể, tức hợp nhất "tính bản thể" và "tính chủ thể" lại với nhau như các tính quy định bình đẳng.

Trong *Khoa học lôgic*, Hêghen cho rằng, lôgic học của ông đồng nhất với siêu hình học, tức là với khoa học nắm bắt sự vật trong tư tưởng, khoa học có nhiệm vụ trình bày bản chất của sự vật. Theo ông, bản thể luận là học thuyết về các tính quy định trừu tượng của bản chất. Hêghen không thể chấp nhận việc phá huỷ siêu hình học vì, ông coi sự suy tàn của siêu hình học là đồng nghĩa với việc phá huỷ bản chất tinh thần của một dân tộc.

Trái ngược với quan niệm triết học siêu nghiệm Cantơ cho rằng, vật tự thân với tư cách bản chất của sự vật là không thể nhận thức được, theo Hêghen, siêu hình học phải xuất phát từ chỗ cho rằng, bản chất của các đối tượng chính là tư duy và các tính quy định của tư duy. Do vậy, thâm nhập vào lĩnh vực các khái niệm có nghĩa là đi sâu vào bản chất của đối tượng. Đây là cơ sở để Hêghen đồng nhất lôgic học với bản thể luận. Vì vậy, *cần nhấn mạnh nguyên tắc đồng nhất giữa tồn tại và tư duy là cơ sở để Hêghen xây dựng quan điểm bản thể luận của mình.* Từ lập trường đó, ông đã xây dựng một hệ thống phạm trù lệ thuộc lẫn nhau (bằng phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể, lôgic và lịch sử) cho phép quan niệm bản thân tồn tại như *quá trình*, quá trình phát triển.

Chương 3

ẢNH HƯỞNG CỦA BẢN THỂ LUẬN DUY TÂM CỔ ĐIỂN ĐỨC TỚI HUXÉC VÀ HAIĐƠGÔ - NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ HẠN CHẾ

3.1. Tác động của triết học siêu nghiệm Cantơ tới bản thể luận Huxéc

Do tính chất cổ điển của mình, bản thể luận triết học duy tâm Đức có ảnh hưởng đáng kể đến bản thể luận triết học phương Tây hiện đại, ảnh hưởng này thể hiện rõ nhất ở hiện tượng học Huxéc như tiền đề lý luận của nhiều khuynh hướng triết học phương Tây hiện đại

và ở bản thể luận cơ bản Haidogơ như đỉnh cao của triết học phi duy lý hiện đại.

Bối cảnh chiến tranh thế giới lần thứ nhất đặt ra cho Huxéc nhiệm vụ triết học mới nhằm đáp ứng nhu cầu về một thế giới quan triết học như cội nguồn tư tưởng có thể đem lại sự phản kháng và phương tiện tinh thần cho dân tộc Đức. Cuộc chiến làm cho Huxéc thấy cần phải đoàn kết và liên minh với các triết gia dân tộc mình, với truyền thống triết học của nước Đức. Huxéc đã đưa ra quan niệm "thế giới sống" để vượt bỏ "chủ nghĩa khách quan" với tư cách nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng của loài người châu Âu đương thời và từ đó, ông cũng chỉ ra rằng, "bước ngoặt Cópécnic" của Cantơ vẫn chưa đủ để thực hiện được nhiệm vụ ấy.

Nối tiếp lý tưởng về triết học như một khoa học chặt chẽ, Huxéc nhận thấy đóng góp bản thể luận triết học quan trọng nhất của Cantơ là ở chỗ, Cantơ lần đầu tiên đã ý thức rõ và đặt ra vấn đề về tính chủ quan như vấn đề xuất phát, trọng tâm của triết học. Nhưng khác với Cantơ, Huxéc không nhận thức luận hoá vấn đề này, tức là không dựa vào khoa học tự nhiên để giải quyết nó. Với ông, tính chủ quan, ý thức là một thực tại đặc biệt, chính nó là đầu mối để giải quyết vấn đề tha hoá tinh thần ở thời hiện đại. Do vậy, ông tiến hành xây dựng bản thể luận ý thức, nhấn mạnh tính ý hướng của ý thức.

Hiện tượng học chỉ đề cập tới các kết cấu của tồn tại thể hiện trong và thông qua ý thức. Nói cách khác, theo Huxéc, đời sống có ý hướng của ý thức chính là thực tại đích thực đối với con người, còn các kết cấu của ý thức chính là các kết cấu kiến tạo của thực tại này, tức là của lĩnh vực tồn tại người. Từ đó suy ra rằng, khi mô tả các kết cấu ấy, hiện tượng học cũng đồng thời là bản thể luận.

Theo Huxéc, toàn bộ triết học duy lý truyền thống đã "nhận thức luận hoá triết học", đã thổi phồng hệ vấn đề nhận thức luận và cách

tiếp cận thuần túy tri thức luận, xem xét khái niệm "chủ thể" và tính tích cực của con người chủ yếu trên phương diện nhận thức luận. Tóm lại, nếu triết học cổ điển chủ yếu tập trung vào tư duy thì triết học hiện tượng học đã chuyển trọng tâm sang tồn tại với tư cách là điều kiện tồn tại ban đầu của mọi tính tích cực của con người, kể cả nhận thức. Huxéc cho rằng, triết học siêu nghiệm Cantơ ra đời đã cho thấy rõ dự định xây dựng bản thể luận khoa học tự nhiên của triết học duy lý là vô căn cứ, bởi nó bỏ qua *tính chủ quan* trong nhận thức. Tiếp nối và chỉnh lý Cantơ (đặc biệt là khái niệm "chủ thể siêu nghiệm"), Huxéc đã chuyển từ những điều kiện nhận thức luận cho tồn tại của khoa học sang những điều kiện văn hóa cho tồn tại của con người và qua đó ông xây dựng một bản thể luận mới.

3.2. Bản thể luận duy tâm Đức và sự hình thành bản thể luận cơ bản Haidogơ

Xây dựng bản thể luận cơ bản, Haidogơ xuất phát từ hiện tượng học Huxéc để xét lại toàn bộ lịch sử siêu hình học phương Tây và nghiên cứu rất tỉ mỉ triết học Cantơ nói riêng, cũng như chủ nghĩa duy tâm Đức nói chung.

Haidogơ không tán thành bước ngoặt về chủ nghĩa duy tâm siêu nghiệm của Huxéc và cho rằng, Huxéc chưa làm sáng tỏ được địa vị bản thể luận của các khách thể ý hướng. Haidogơ hoàn toàn không muốn quay lại với bức tranh về thế giới của khoa học và muốn thay thế nó bằng bức tranh triết học. Các vật của Haidogơ là các vật trong tính cởi mở của chúng, tức là trong tính được đem lại của chúng cho một ý thức nào đó và do vậy, chúng không tách rời ý thức mà chúng được đem lại.

Như vậy, để đạt tới tồn tại thì phải đi con đường vòng là thông qua tồn tại người (Dasein). Đây là loại tồn tại có khả năng "tiếp thông với thế giới", với "tồn tại nói chung" và đồng thời lại là loại tồn tại mà

chúng ta có thể biết được, cảm nghiệm được một cách trực tiếp. Nhiệm vụ đặt ra ở đây trước hết là cần phải làm sáng tỏ nghĩa của tồn tại thông qua Dasein. Heidegger gọi bản thể luận của ông hướng tới giải quyết công việc ấy là bản thể luận cơ bản.

Heidegger nhấn mạnh công lao của Cantor là ở chỗ, ông đã đặt ra vấn đề *tính hữu hạn và thời gian tính*, dù Cantor vẫn chưa ý thức được điều ấy và cũng chưa hiểu đúng, còn các triết gia của chủ nghĩa duy tâm Đức đã không chấp nhận tính hữu hạn của Dasein như Cantor, họ cố gắng đạt tới *tính vô hạn của Dasein, cái Tuyệt đối*.

Tiếp thu những thành tựu của hiện tượng học Husserl, quay lại lý giải bản thể luận triết học của Cantor và của Hegel, Heidegger đi sâu vào bản thể luận phi duy lý, đặt ra vấn đề tồn tại người, nghĩa của tồn tại ấy trên chiều cạnh hiện sinh.

3.3. Đánh giá bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức

3.3.1. Khái quát những đặc điểm của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức

Thứ nhất, đó là quan niệm chung về vai trò của triết học trong lịch sử loài người, trong phát triển của văn hoá thế giới nhờ xuất phát từ địa vị của bản thể luận triết học như phản tư về những cơ sở tối hậu của tồn tại người và của tồn tại xã hội người.

Thứ hai, đem lại cho triết học diện mạo của một hệ thống những bộ môn, những tư tưởng, những khái niệm sâu sắc và có phân hoá rõ ràng, phức tạp và đa phương, cấu thành một dãy khái niệm triết học thống nhất.

Thứ ba, đem lại một khuôn mẫu về văn hoá thế giới quan phổ quát, hạt nhân của nó chính là quan điểm toàn vẹn, phát triển về thế giới, qua đó nó loại bỏ sự thống trị của quan điểm thuần túy khoa học

tự nhiên về lĩnh vực đối tượng không thuộc thẩm quyền "phán xét" của khoa học tự nhiên - lĩnh vực tồn tại lịch sử của con người.

Thứ tư, thể hiện ở một số nguyên tắc chung trong việc tiếp cận vấn đề nghiên cứu các bản thể người và quá trình phát triển của lịch sử nhân loại như quá trình triển khai các bản thể người ấy của lịch sử.

Thứ năm, tập trung một cách rõ ràng và dứt khoát xung quanh nguyên tắc tự do và những giá trị nhân văn khác với tư cách những cơ sở bản thể quan trọng nhất của tồn tại người.

3.3.2. Những đóng góp và hạn chế của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức

Những đóng góp của bản thể luận duy tâm cổ điển Đức là: *thứ nhất*, đem lại một cái nhìn về các cơ sở bản thể của tồn tại người và của tồn tại xã hội người như một quá trình phát triển, như quá trình triển khai những đặc điểm quan trọng nhất về nhân tính thông qua hoạt động của con người; *thứ hai*, quan hệ giữa chủ thể và khách thể được xem lại một cách triệt để. Bản thể luận trong triết học cổ điển Đức tuyên bố tính tích cực của ý thức, sự thâm nhập của chủ thể vào khách thể và quá trình tương tác liên tục giữa chúng; *thứ ba*, trình bày lĩnh vực tinh thần trên một quy mô rộng hơn (những quá trình hữu thức, vô thức không kiểm soát được, những biểu hiện của tinh thần trong tất cả các lĩnh vực sinh hoạt xã hội của con người); *thứ tư*, đi sâu vào lĩnh vực tồn tại lịch sử của con người, luận chứng tư tưởng về tính quy luật xã hội, chỉ ra lao động như những biểu hiện cơ bản của bản thể người; *thứ năm*, quan niệm "cái đẹp" là giá trị, nguyên lý tối cao của bản thể người, do vậy thẩm mỹ học là một khoa học mới được nghiên cứu một cách có hệ thống; *thứ sáu*, lần đầu tiên triết học đạo đức được luận chứng dựa trên một cơ sở bản thể - những nguyên tắc, những giá trị mà thiếu đó thì nhân tính không còn có điểm tựa.

Một số hạn chế của bản thể luận duy tâm cổ điển Đức là: *thứ nhất*, chủ yếu nhìn nhận tiến trình tiến hoá và phát triển của tồn tại người từ lập trường duy tâm và thông qua lăng kính của khoa học tự nhiên đương thời, do vậy nó đem lại một niềm tin mãnh liệt vào sức mạnh của khoa học, một kiểu sùng bái khoa học; *thứ hai*, quan điểm về địa vị đặc biệt của văn hoá phương Tây đối với cơ sở bản thể của loài người tương lai trong bản thể luận duy tâm cổ điển Đức đưa đến tư tưởng thống nhất loài người toàn thế giới chỉ dựa trên cơ sở những giá trị văn hoá phương Tây; *thứ ba*, có xu hướng kiên định quan niệm duy lý thái quá về bản tính người, coi tư duy khoa học là thước đo tối cao và tối hậu về nhân tính, là phương tiện quan trọng nhất cho sự nghiệp làm người. Đây là hạn chế lớn nhất của bản thể luận duy tâm Đức; *thứ tư*, đưa ra một cái nhìn phiến diện về hệ đề tài của triết học - chỉ dừng lại trong cách tiếp cận nhận thức luận; *thứ năm*, quan niệm nhà nước là "cái chung", "bản chất" của xã hội, giao phó cho nhà nước "sứ mệnh dẫn dắt" cá nhân mà không nhận thấy xu hướng lệ thuộc hoàn toàn của cá nhân vào nhà nước, nhà nước bộc lộ khả năng khống chế tất cả mọi phương diện tồn tại của cá nhân và qua đó các quyền của công dân bị xâm phạm.

PHẦN KẾT LUẬN

Xôcrát từng nói, cả cuộc đời con người chính là sự tự trải nghiệm bản thân, triết học chỉ quan tâm đến những gì có liên quan đến nhân tính của con người. Haiđơơ nói, con người là động vật duy nhất có năng lực tự chất vấn mình về mục đích của tồn tại người. Mác vĩ đại cũng đã từng nhấn mạnh, con người khác với con vật ở chỗ: chỉ có con vật mới quay lưng lại với nỗi đau của đồng loại. Vì vậy, đối với Mác, hạnh phúc là đấu tranh: đấu tranh cho quyền làm Người và tự do của những con người bị nô dịch cả về thể xác lẫn tinh thần. Biết bao thánh hiền đã dạy dỗ con người về lẽ sống, về những điều quý giá

nhất đối với sự sống của con người, về hạnh phúc, vậy mà loài người dường như vẫn chưa ý thức được sự thật đơn giản này. Chỉ có con người mới có cầu tinh thần đi tìm lẽ sống, hạnh phúc và sống chết vì nhu cầu ấy.

Triết học nói chung và bản thể luận triết học nói riêng bao giờ cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu tinh thần, định hướng cho lối sống và hoạt động thực tiễn của con người, đem lại những giả thuyết táo bạo cho khát vọng đặc trưng của con người. Mỗi thời đại đều có những ý kiến khác nhau về thực chất của tồn tại người và có vô số những tư tưởng đã xuất hiện. Những mầm mống và hạt cây cũng bị vung vãi như vậy ở khắp nơi, nhưng chỉ có một bộ phận nhỏ những hạt cây trong số đó tìm thấy được môi trường sống thuận lợi và sinh trưởng. Chỉ có một số ít những tư tưởng bám rễ được vào môi trường tinh thần của một xã hội, thâm nhập vào quần chúng hay ít nhất là vào nhóm người có uy tín mà các thế hệ sau sẽ giữ lại ký ức về họ. Bản thể luận triết học tích tụ chính số ít tư tưởng ấy. Nó cung cấp cho chúng ta những tư tưởng - giá trị tinh thần làm định hướng văn hoá sống và thước đo về nhân tính nhờ khái quát thời đại lịch sử thông qua hệ thống giá trị của mình.

Nhìn lại lịch sử tinh thần của loài người ở phương Tây, chúng ta dễ dàng nhận thấy lịch sử ấy được phản ánh trong các hệ thống bản thể luận triết học tương ứng. Với tư cách phản ứng đối với thế giới quan thần thoại đang bị khủng hoảng, bản thể luận triết học cổ đại đã xây dựng hệ giá trị tinh thần gắn liền với con người thế tục, "tự nhiên" dựa trên những hiểu biết của con người về thế giới tự nhiên như "đại vũ trụ" bao chứa "tiểu vũ trụ" trong mình. Bản thể luận cận đại xuất phát từ niềm tin tuyệt đối vào lý tính, vào khoa học, coi nó là căn nguyên, là giá trị tối cao của tồn tại người, do vậy bản thể luận này đặt trọng tâm vào các nguyên lý của nhận thức khoa học như các

nguyên lý của tồn tại đích thực. Bản thể luận duy tâm cổ điển Đức đồng thời phản ánh hệ thống giá trị văn hoá tinh thần truyền thống của thời đại công nghiệp, phản tư lại hệ thống ấy qua lăng kính của xã hội Phổ đang chuẩn bị tiến hành cách mạng tư sản và những thành tựu, cũng như những bài học của bản thân nền văn minh công nghiệp. Chính thực tế này quy định bản sắc độc đáo, giá trị và những hạn chế của nó.

Cantor đã có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực xây dựng bản thể luận triết học độc đáo này. Tiếp nối truyền thống bản thể luận triết học duy lý cận đại, Cantor cũng tiến hành luận chứng cho khoa học về mặt bản thể luận, song ông còn đi xa hơn thế. Đóng góp quan trọng nhất của Cantor là ông đã luận chứng cho siêu hình học đạo đức như khoa học về bản thể người nhờ xuất phát từ cấu trúc bản thể thống nhất của loài người (nhân tính) và những biểu hiện thống nhất của nó. Hơn thế, ba công trình *Phê phán* đề cập tới ba mặt Chân - Thiện - Mỹ, đó là cấu trúc hoàn thiện của con người và xã hội loài người và vươn tới những giá trị ấy là vươn tới giá trị của bản thể Người. Cùng đi tìm bản thể người thống nhất, Phíchơ nhận thấy "cái phi Ngã", với tư cách tạo phẩm của "cái Ngã", chính là những giá trị đảm bảo sự thống nhất ấy. Tư tưởng này của Phíchơ đã mở ra khả năng cho phép tiếp cận với bản thể người như một thực thể văn hoá. Không thoả mãn với lý tính, khoa học như thước đo duy nhất về nhân tính, Sêlinh muốn bổ sung cho nó năng lực sáng tạo ra cái đẹp - trực cảm nghệ thuật, đặc biệt là sáng tạo thân thoại. Nhưng Hêghen mới là người kế tục bản thể luận duy lý cận đại một cách triệt để nhất. Với ông, khoa học, lý tính, mà chính xác hơn là khoa học về khoa học (lôgic học) phải là quan toà phán xét mọi thứ. Điều đó có nghĩa rằng tư duy, tinh thần, lý tính tuyệt đối được coi là những cái cấu thành

thực thể của tồn tại nói chung và hơn nữa, thực thể đó còn được kiến giải là thực thể tự phát triển.

Chính vì bao chứa những khả năng gọi mở to lớn mà bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức có ảnh hưởng sâu rộng đến triết học phương Tây hiện đại nói chung và bản thể luận triết học Đức hiện đại nói riêng. Ảnh hưởng này thể hiện rõ nhất ở hiện tượng học Huxéc và ở bản thể luận cơ bản Haidơơ. Huxéc nhận thấy đóng góp quan trọng nhất của Cantor là ở chỗ, Cantor lần đầu tiên đã đặt ra vấn đề về tính chủ quan như vấn đề xuất phát, trọng tâm của triết học. Tuy nhiên, Huxéc đã phê phán Cantor là chỉ tiếp cận tính chủ quan ấy từ phương diện nhận thức luận, chứ chưa xem xét tính chủ quan, ý thức như một thực tại đặc biệt với tư cách là đầu mối để giải quyết vấn đề tha hoá tinh thần ở thời hiện đại. Chính vì vậy, Huxéc đã tiến hành xây dựng bản thể luận ý thức. Tiếp thu những thành tựu của hiện tượng học Huxéc, quay lại lý giải bản thể luận triết học của Cantor và của Hêghen, Haidơơ đi sâu vào làm sáng tỏ mục đích của tồn tại người đích thực và từ đó tìm ra một con đường hiểu được ý nghĩa của bản thân tồn tại.

Thành tựu triết học cơ bản của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức là nó đem lại một cái nhìn về các cơ sở bản thể của tồn tại người và của tồn tại xã hội người như một quá trình phát triển. Hạn chế chủ yếu của bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức là chủ nghĩa duy tâm, duy khoa học, coi tư duy khoa học là thước đo tối cao và tối hậu về nhân tính.

Mặc dù có những hạn chế, song chúng ta có thể khẳng định, bản thể luận trong triết học duy tâm cổ điển Đức vẫn là một thành tựu lâu dài của lịch sử tư tưởng triết học nhân loại, trở thành tiền đề cho những thành tựu triết học ở thời hiện đại. Nó có ý nghĩa chung nhân loại vì nó cố gắng trả lời cho những vấn đề mà loài người đã tự đặt ra

cho mình ngay từ khi triết học xuất hiện và hiện nay vẫn tiếp tục đặt ra và nỗ lực tìm kiếm câu trả lời. Điều quan trọng là qua triết thuyết của những đại biểu này, chúng ta càng hiểu rõ hơn thực chất cuộc cách mạng trong triết học do Mác - Ăngghen thực hiện: vấn đề ở chỗ là cần phải cải tạo, biến đổi thế giới cho con người, vì sự phát triển tự do của mỗi người cũng như vì tự do của tất cả mọi người.